TÒA ÁN NH DÂN **THÀNH PHỐC** **TỈNH Đ** Bản án số: 118/2023/DS-ST. Ngày: 06-9-2023. V/v tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH DÂN THÀNH PHỐC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê M G

Các Hội thẩm nH dân:

1. Ông Nguyễn Phú K
2. Ông Bùi Văn R

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Nam X, thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nH dân thành phốC tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị P- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/8 và 06 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nH dân thành phốC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 291/2021/TLST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2021, về việc *"*Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất*"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2023/QĐST-DS, ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Trần Văn K, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số 313, đường D3, tổ 18, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông K: Trần Ngọc H, sinh năm 1976, địa chỉ: tổ 17, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/12/2021).

2. Trần Ngọc H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: tổ 17, ấp K, xã A, TP.C, Đ.

- *Bị đơn:* Trần Văn S, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 69, , tổ 20, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông S: Trần Thị Bé Y, sinh năm 1992, địa chỉ: Số 69 B, đường L, tổ 20, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/11/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S: Ông Nguyễn Hoàng L, Văn phòng Luật sư Hoàng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Ngọc La, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 313, đường D3, tổ 18, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của anh La: Trần Ngọc H, sinh năm 1976, địa chỉ: tổ 17, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/02/2022).

2. Đoàn Thị P, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 313, đường D3, tổ 18, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của chị P: Trần Ngọc H, sinh năm 1976, địa chỉ: tổ 17, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/3/2022).

3. Phan Thị Thanh T, sinh năm 1985

Địa chỉ: tổ 17, ấp K, xã A, TP.C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của chị T: Trần Ngọc H, sinh năm 1976, địa chỉ: tổ 17, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/02/2022).

4. Trần Phú Hu, sinh ngày 14/12/2012

Người đại diện hợp pháp của Phú Hu : Trần Ngọc H, sinh năm 1976 và Phan Thị Thanh T, sinh năm 1985, địa chỉ: tổ 17, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ (cha mẹ ruột).

5. Trần Phú Hn, sinh ngày 13/8/2015

Người đại diện hợp páp của Phú Hn : Trần Ngọc H, sinh năm 1976 và Phan Thị Thanh T, sinh năm 1985, địa chỉ: tổ 17, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ (cha mẹ ruột).

6. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 69, đường L, tổ 20, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của bà R: Trần Thị Bé Y, sinh năm 1992, địa chỉ: Số 69 B, đường L, tổ 20, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/8/2022).

7. Trần Thị Bé Y, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 69 B, đường L, tổ 20, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ.

8. Tiêu Thành H, sinh ngày 17/8/2002

Địa chỉ: Số 69, đường L, tổ 20, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của Tiêu Thành H: Trần Thị Bé Y, sinh năm 1992, địa chỉ: Số 69 B, đường L, tổ 20, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/8/2022).

9. Ông Hoàng Văn A, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp Hòa Hu, xã A, thành phốC, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên hệ: số 222, đường Võ Văn Trị, khóm N, phường T, thành phốC, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông A: Trần Ngọc Tài, địa chỉ: Tổ 18, ấp K, xã A, thành phốC, tỉnh Đ – là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/8/2022).

10. Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á

Địa chỉ: Số 130, , thành phố M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Tùng, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của ông Tùng: Ông Nguyễn Nhựt L, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đ, địa chỉ: Số 35, Quốc lộ 30, khóm Mỹ Phú, phường Mỹ Phú, thành phốC, tỉnh Đ – là người đại diện theo ủy quyền (quyết định ủy quyền số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC, ngày 08/8/2022).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Nhựt L: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1989, chức vụ: NH viên phát triển kinh da – Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Đ, địa chỉ: Số 35, Quốc lộ 30, khóm Mỹ Phú, phường Mỹ Phú, thành phốC, tỉnh Đ – là người đại diện theo ủy quyền (quyết định ủy quyền số 328/QĐ-ĐTP, ngày 08/8/2023).

11. Bà Trần Thị Hỏi, sinh năm 1984

Địa chỉ: tổ 18, ấp K, xã A, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đ.

12. Ông Tiêu Văn Hài, sinh năm 1976,

Địa chỉ: tổ 18, ấp K, xã A, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông Hài: Bà Trần Thị Hỏi, sinh năm 1984, địa chỉ: tổ 18, ấp K, xã A, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đ – là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/8/2023).

Có mặt ông Trần Ngọc H, Trần Ngọc Tài, bà Trần Thị Bé Y, Trần Thị Hỏi, ông Nguyễn Hoàng L có mặt.

Bà Nguyễn Thị P có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn phản tố ngày 28/3/2022 của Trần Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc La như sau:

Nguồn gốc đất tranh chấp do ông Trần Văn S chuyển nhượng cho ông K, ông K được cấp quyền sử dụng đất thửa số 613, tờ bản đồ số 8, diện tích 273,1 m^2, tọa lạc tại xã A, thành phốC, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AL574795, số vào sổ cấp GCN: H06895, ngày 21/5/2008. Ngày 20/12/2012, Nhà nước đã thu hồi 2,7 m^2 để làm đường. Ông Trần Văn S lấn chiếm diện tích đất 43,98 m^2 đã dựng kho tạm bằng tole, đất tại ấp K, xã A, TPC, Đ.

Nay yêu cầu ông Trần Văn S trả diện tích đất 15,7 m^2 các mốc 21, 22, 23, K, 21, đất tại ấp K, xã A, TP.C, Đ. Diện tích đất này hiện nay chị Hỏi, anh Hài đã xây dựng nhà tiền chế.

Diện tích đất các mốc 21, D, C, K, 21 là đất của ông K đang để trống, nay không có ai sử dụng.

Vách nhà của chị Hỏi, anh Hài từ mốc 21 đến mốc K.

- Theo đơn phản tố ngày 21/12/2021 của Trần Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Thanh T như sau: Ông H được cấp quyền sử dụng đất tại thửa 902, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã A, thành phốC, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CE 338831, số vào sổ cấp GCN: H001169, ngày 06/01/2017 do Trần Ngọc H đứng tên. Ông Trần Văn S lấn chiếm diện tích đất lấn chiếm 33,75 m^2 đã dựng kho tạm bằng tole.

Nay yêu cầu ông Trần Văn S trả diện tích đất lấn chiếm 21,1 m^2 các mốc 23, I, H, G, 8, 23, đất này chị Hỏi, anh Hài đã xây dựng nhà tiền chế.

Diện tích đất trong phạm vi mốc I, 26, F, G, H, I do anh H trồng cây bạc hà và một phần để trống chưa sử dụng.

Vách nhà của chị Hỏi từ mốc I đến mốc H, G.

- Ông Trần Văn S có Trần Thị Bé Y đại diện trình bày:

Ông S được công nhận quyền sử dụng đất lô đất thửa số 614, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.000,5 m^2, tọa lạc tại xã A, thành phốC, tỉnh Đ theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số phát hành AL 589320, số vào sổ cấp GCN: H06962, ngày 12/6/2008 do hộ ông Trần Văn S đứng tên. Ngày 23/01/2013, Nhà nước đã thu hồi 529,2 m^2 để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long – tiểu dự án thành phốC, diện tích đất còn lại sau thu hồi là 471,3 m^2. Theo trích lục bản đồ ngày 12/01/2019, thì diện tích đất của ông S chỉ còn lại 322,2 m^2. Như vậy, diện tích đất của ông S bị ông K và ông H (có đất tọa lạc giáp ranh kế bên) lấn chiếm với diện tích 471,3 m^2 - 322,2 m^2 = 149,1 m^2, diện tích lấn chiếm này chạy dài theo lô đất của ông S phía bên tay ph từ lộ lớn nhìn vào.

Ngày 07/8/2020, UBND xã A đã tổ chức hòa giải giữa ông S, ông K và ông H. Ý kiến kết luận của Chủ tịch hồi đồng hòa giải "Vận động ông Trần Văn K là chủ sử dụng thửa đất số 613, tờ bản đồ số 8, và ông Trần Văn S là chủ sử dụng thửa đất số 614, tờ bản đồ số 8 thỏa thuận xác định ranh đất với nhau lấy theo bờ nền gara trên đất của ông S để làm ranh" nHu ông K, ông H không đồng ý. Trên phần đất tranh chấp không có vật kiến trúc, cây trồng. Ông S đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 614 của ông S, ông S cho chị Hỏi, anh Hài mượn cất nhà làm gara sửa ô tô.

Nay không đồng ý trả cho ông K đất trong các mốc 21, 22, K, 23, 21.

Không đồng ý trả cho Trần Ngọc H đất trong các mốc 23, I, H, G, 8, 23.

Diện tích đất trong các mốc I, 26, F, G, H, I do anh H trồng cây bạc hà, diện tích đất trong các mốc 21, K, C, D, 21 là đất trống.

- *Anh Hòang Văn A trình bày:* Anh A nhận chuyển nhượng vào năm 2021 của Trần Ngọc Tài (nhà và đất), diện tích đất ngang 05 mét, chiều dài 25,1 mét tính từ mí vỉa hè vào đến hết vách nhà sau và đo ra 01 tấc (sân dài 04, nhà dài 21 mét). Anh A được cấp quyền sử dụng đất thửa 903, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07888, ngày 12/11/2017. Xác định ranh đất từ mí nhà sau đo ra 01 tấc.

Theo thông báo nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu, chứng cứ số 187, ngày 06/6/2023 của Tòa án nH dân thành phốC, nay anh Tài xác định ranh đất của ông A là cách vách nhà sau của ông A ra 01 tấc, đất ông A không nằm trong đất do các bên tranh chấp nên không nộp đơn khởi kiện.

- *Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á ý kiến:* Ông Trần Ngọc H và bà Phan Thị Thanh T có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CE 338831, số vào sổ cấp GCN: CH 01169, ngày 06/01/2017 theo hợp đồng thế chấp số K.0121/TC22, ngày 23/6/2022. Ông H, bà T thanh toán đúng hạn, nên Ngân hàng không yêu cầu thánh lý trước hạn và không làm đơn khởi kiện. Nay không có ý kiến gì khác.

- *Ông Tiêu Văn Hài có bà Trần Thị Hỏi đại diện và bà Trần Thị Hỏi trình bày:*

Trước đây, ông Trần Văn S (cha chị Hỏi) cho bà A Ra thuê diện tích đất thửa số 614, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.000,5 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AL 589320, số vào sổ cấp GCN: H06962, ngày 12/6/2008 do hộ ông Trần Văn S đứng tên, tọa lạc tại xã A, thành phốC, tỉnh Đ, bà A Ra xây nhà tiền chế (khung sắt, mái lọp tole, vách tole) để làm vựa xoài. Cuối năm

2019, bà A Ra trả lại đất cho ông S, ông S cho chị Hỏi, anh Hài mượn đất sử dụng nên chị Hỏi, anh Hài mua căn nhà của bà A Ra có sẵn trên đất ông S. Sau khi mua nhà, chị Hỏi, anh Hài nâng cao mái nhà, nền nhà bê tông để làm cơ sở sửa chữa ô tô, xây nhà vệ sinh theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 11/7/2023 của Tòa án nH dân thành phốC. Không đồng ý theo yêu cầu của K, ông La, ông H và bà T.

- *Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:* Không có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.

- *Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và ông H:

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 613 của hộ ông K với thửa 614 của ông S là đoạn thẳng nối từ các mốc 2, 18, 19, 20, 21, 22, 23. Buộc ông S, bà Hỏi di dời tài sản trên đất trả lại diện tích đất 15,7m^2 trong các mốc 21, 22, 23, K về mốc 21 cho hộ ông K.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 902 của ông H với thửa 614 của ông S là đoạn thẳng nối từ các mốc 23, 8. Buộc ông S, bà Hỏi di dời tài sản trên đất trả lại diện tích đất 21,1m^2 trong các mốc 8, 23, I, H, G.

Tại phiên toà, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị P vắng mặt *(có đơn đề nghị vắng mặt)*. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc La và nguyên đơn ông Trần Ngọc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Thanh T yêu cầu đòi lại đất nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân thành phốC, tỉnh Đ.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc La yêu cầu hộ ông Trần Văn S, chị Hỏi, anh Hài di dời tài sản trả diện tích đất 15,7 m^2 trong các mốc 22, 21, K, 23, 22, đất tại ấp K, xã A, TPC, Đ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Ngọc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Thanh T yêu cầu hộ ông Trần Văn S, chị Hỏi, anh Hài di dời tài sản trả diện tích đất 21,1 m^2 trong các mốc 23, I, H, G, 8, 23, đất tại ấp K, xã A, TPC, Đ.

Hộ ông Trần Văn K được cấp quyền sử dụng đất thửa số 613, tờ bản đồ số 8, diện tích 273,1 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AL574795, số vào sổ cấp GCN: H06895, ngày 21/5/2008, tọa lạc tại xã A, thành phốC, tỉnh Đ.

Ông Trần Ngọc H được cấp quyền sử dụng đất thửa 902, tờ bản đồ số 8, diện tích đất 168,3 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CE 338831, số vào sổ cấp GCN: H001169, ngày 06/01/2017, tọa lạc tại xã A, thành phốC, tỉnh Đ.

Hộ ông Trần Văn S được cấp quyền sử dụng đất lô đất thửa số 614, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.000,5 m^2, tọa lạc tại xã A, thành phốC, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AL 589320, số vào sổ cấp GCN: H06962, ngày 12/6/2008 tọa lạc tại xã A, thành phốC, tỉnh Đ.

Tại công văn số 1680/CNVPĐKĐĐ-TPCL, ngày 28/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phốC xác định: "Diện tích đất *các mốc 22, 21, K, 23, 22; các mốc 21, D, C, K, 21; các mốc 21, 20, A, D, 21, các mốc D, A, B, D tương ứng vị trí của thửa 613, tờ bản đồ số 8 đã được cấp giấy cho hộ ông Trần Văn K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06895, cấp ngày 21/5/2008;*

Diện tích đất các mốc 8, 23, I, H, G, 8; các mốc G, H, I, 26, F, G; các mốc 26, 25, 7, F, 26 tương ứng vị trí của thửa 902, tờ bản đồ số 8 đã được cấp Giấy cho ông Trần Ngọc H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01169, cấp ngày 06/01/2017

Các mốc 23, K, I, 23; các mốc K, C, 26, I, K; các mốc C, B, 25, 26, C tương ứng vị trí của thửa 903, tờ bản đồ số 8 đã cấp giấy cho ông Hoàng Văn A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07888, cấp ngày 12/11/2017".

Trước đây, ông Trần Văn S là nguyên đơn, đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Tòa án đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 26/2023/QĐST-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2023 (đã có hiệu lực thi hành), nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S.

Theo công văn của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phốC xác định diện tích đất 15,7 m^2 trong các mốc 22, 21, K, 23, 22 đã cấp quyền sử dụng đất cho ông hộ ông Trần Văn K và diện tích đất 21,1 m^2 trong các mốc 8, 23, I, H, G, 8 cấp quyền sử dụng đất cho ông Trần Ngọc H. Do đó, ông K, anh La và anh H, chị T yêu cầu hộ ông Trần Văn S trả đất là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, do hai bên không làm ranh đất nên dẫn đến sử dụng đất không đúng vị trí đất. Trên đất tranh chấp có nhà ở từ năm 2018, khi xây dựng không ai tranh cản, năm 2019 chị Hỏi, anh Hài mua lại căn nhà (nhà trên một phần đất của ông S và một phần đất tranh chấp) sử dụng đến nay. Việc tháo dỡ, di dời nhà sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ căn nhà trên đất. Hơn nữa, ông K và anh H đã có nhà ở ổn định, ngoài diện tích đất tranh chấp thì của ông K và anh H vẫn còn đất, do đó, trả giá trị đất là phù hợp.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 16/12/2021, loại đất các tuyến đường khu tái định cư A – Phường 4 (đường 14 mét), giá 4.200.000 đồng/m^2. Ông S sử dụng diện tích đất của hộ ông K 15,7 m^2 trị giá thành tiền là 65.940.000 đồng và sử dụng đất ông H, bà T diện tích 21,1 m^2 trị giá thành tiền 88.620.000 đồng.

Hộ ông Trần Văn S không yêu cầu chị Trần Thị Hỏi và anh Tiêu Văn Hài di dời nhà trả đất nên không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nH dân thành phốC là có căn cứ chấp nhận một phần.

Từ phần tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc La. Hộ ông Trần Văn S ph trả giá trị cho hộ ông K diện tích đất 15,7 m^2 các mốc 21, 22, 23, K, 21, đất tại ấp K, xã A, TP.Cao Lãnh, Đ trị giá số tiền 65.940.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Thanh T. Hộ ông Trần Văn S ph trả giá trị cho ông H, bà T diện tích đất 21,1 m^2 các mốc 23, I, H, G, 8, 23, đất tại ấp K, xã A, TPC, Đ trị giá số tiền 88.620.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí hộ ông Trần Văn S ph chịu theo quy định.

Ông Trần Văn K, ông Trần Ngọc La, ông Trần Ngọc H và bà Phan Thị Thanh T không ph chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc La.

Buộc hộ ông Trần Văn S (gồm : ông S, bà Nguyễn Thị R, bà Trần Thị Bé Y, Tiêu Thành H) trả cho hộ ông K giá trị diện tích đất 15,7 m^2 trong các mốc 21, 22, 23, K, 21 *(thuộc một phần thửa số 613, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AL574795, số vào sổ cấp GCN: H06895, ngày 21/5/2008 do hộ ông Trần Văn K đứng tên, đất tại ấp K, xã A, TPC, Đ)*, trị giá số tiền 65.940.000 đồng. Hộ ông Trần Văn S được quyền sử dụng đất diện tích đất 15,7 m^2.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Ngọc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh T.

Buộc hộ ông Trần Văn S (gồm : ông S, bà Nguyễn Thị R, bà Trần Thị Bé Y, Tiêu Thành H) trả cho ông Trần Ngọc H và Phan Thị Thanh T giá trị diện tích đất 21,1 m^2 trong các mốc 23, I, H, G, 8, 23 *(thuộc một phần thửa 902, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CE 338831, số vào sổ cấp GCN: H001169, ngày 06/01/2017 do Trần Ngọc H đứng tên, đất tại ấp K, xã A, TPC, Đ),* trị giá số tiền 88.620.000 đồng. Hộ ông Trần Văn S được quyền sử dụng đất diện tích đất 21,1 m^2.

(kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/10/2021, biên bản ngày 11/7/2023; sơ đồ đo đạc ngày 13/10/2021).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật *(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền ph trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên ph thi hành án còn ph chịu khoản tiền lãi của số tiền còn ph thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi diện tích đất 15,7 m^2 *(thuộc một phần thửa số 613, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AL574795, số vào sổ cấp GCN: H06895, ngày 21/5/2008 do hộ ông Trần Văn K đứng tên, đất tại ấp K, xã A, TP.C, Đ*) để cấp cho hộ ông Trần Văn S.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi diện tích đất 21,1 m^2 *(thuộc một phần thửa 902, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CE 338831, số vào sổ cấp GCN: H001169, ngày 06/01/2017 do Trần Ngọc H đứng tên, đất tại ấp K, xã A, TPC, Đ)* để cấp cho hộ ông Trần Văn S.

Hộ ông Trần Văn S, hộ ông Trần Văn K, ông Trần Ngọc H có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với diện tích đất thực tế theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hộ ông Trần Văn S (gồm : ông S, bà Nguyễn Thị R, bà Trần Thị Bé Y, Tiêu Thành H) ph chịu án phí số tiền 7.728.000 đồng.

Ông K, ông La được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.618.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005570, ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phốC, tỉnh Đ.

Ông H, bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.544.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005346, ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phốC, Đ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người ph thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.